

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-3-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Cảnh.
2. Ông Lê Phú Chánh Thê.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1987.

ĐKTT: ấp Bình T (ấp 6), xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Bình P (ấp 4), xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* ông Đỗ Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Bình T (ấp 6), xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà V có mặt, ông T vắng mặt (ông T có đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:

Bà và bị đơn là ông Đỗ Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2005. Hôn nhân của ông bà là do tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T hay nhậu say về chửi và đánh đập bà. Ông bà không chung sống với nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay.

Do ông T không chịu sửa đổi nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Bà và ông T có 02 người con chung là Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 10/5/2005 và Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 07/3/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Trường hợp 02 người con chung sống với ông T thì bà sẽ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi người con là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản làm việc ngày 01/3/2022, bị đơn là ông Đỗ Văn T trình bày:

Ông và bà V kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, ban đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do em bà V mai mối bà V cho người khác nên ông và bà V cự cãi, ông đánh bà V, bà V cũng có đánh lại ông. Từ đó, bà V bỏ đi, không về nhà nữa (đi từ khoảng tháng 7/2021 cho đến nay).

Nay bà V yêu cầu xin ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: ông và bà V có 02 người con chung là Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 2005 và Đỗ Thị Trúc L, sinh năm 2009. Hiện 02 người con chung đang sống với ông, do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn với bà V, ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng cho con vì ông có đủ điều kiện nuôi con.

Ông và bà V sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện gia đình, công việc làm ăn nên ông xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tất cả các phiên tòa xét xử tại Tòa án các cấp. Ông cam đoan không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, bà V trình bày trong thời gian không chung sống với nhau, ông T có chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không thay đổi tính tình. Vì vậy, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông T. Bà đồng ý giao 02 người con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng cho mỗi người con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà và ông T không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn ông Đỗ Văn T không tham gia phiên họp, hòa giải, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, ông T chưa thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Ông T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ

khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết V về việc xin ly hôn với ông Đỗ Văn T. Bà V được ly hôn với ông T.

Về con chung: ông Đỗ Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 10/5/2005 và Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 07/3/2009 đến khi hai cháu thành niên. Ghi nhận bà V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 800.000 đồng/tháng.

Vì lợi ích của con, ông Đỗ Văn T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Đỗ Văn T. Ông T cư trú tại xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông T có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà V và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 5 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà V, ông T và theo biên bản xác minh ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì bà V và ông T phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Hiện, ông bà không chung sống cùng nhau. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V.

Xét thấy, giữa bà V và ông T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia

sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà V và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V để giải quyết cho bà V được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: căn cứ vào hồ sơ vụ án, xét thấy bà V và ông T có 02 người con chung là Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 10/5/2005 và Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 07/3/2009. Hiện các con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Với yêu cầu này của ông T, bà V đồng ý giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ là muốn được sống với cha. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông T có quyền yêu cầu bà V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T và cháu L. Mặc dù ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng cho con nhưng bà V tự nguyện cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà V và ông T cùng trình bày ông bà không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà V còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V. Bà Nguyễn Thị Tuyết V được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 10/5/2005 và cháu Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 07/3/2009 cho ông Đỗ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 10/5/2005 và cháu Đỗ Thị Trúc L, sinh ngày 07/3/2009 với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận bà Nguyễn Thị Tuyết V và ông Đỗ Văn T cùng trình bày ông bà không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004567 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà V còn phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Đỗ Thị Mộng Tuyền**